

Số: 15 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 28 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trung Kiên HD theo Văn bản số 102401/CV-CT ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng Trung Kiên của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trung Kiên HD; Văn bản số 1609/CV ngày 16/9/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của “cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng Trung Kiên” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 262/TTr-TNMT ngày 28 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trung Kiên HD, địa chỉ tại Lô đất dịch vụ (DV2), Cụm công nghiệp Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng Trung Kiên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

- Tên dự án: Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng Trung Kiên.
- Địa điểm hoạt động: Lô đất dịch vụ (DV2), Cụm công nghiệp Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp

0800292030, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ tư, ngày 08 tháng 3 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp; Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND tỉnh Hải Dương chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng Trung Kiên (điều chỉnh lần thứ hai từ Dự án Cơ sở sản xuất và kinh doanh của DNTN Khánh Tùng).

1.4. Mã số thuế: 0800292030.

1.5 Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng; kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật Đầu tư công và thuộc mục II.2, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích đất sử dụng: 9.846m²

- Sản phẩm của dự án: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng: 1.000 sản phẩm/năm. Kinh doanh vật liệu xây dựng: gạch ốp lát 50.000 m²/năm; tôn lợp các loại: 200.000 m²/năm; thiết bị vệ sinh: 2.000 sản phẩm/năm; nhôm công nghiệp: 500 tấn/năm; thép các loại 10.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trung Kiên HD có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhiểm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND xã Cao An, UBND thị trấn Lai Cách;
- Cổng thông tin điện tử của huyện;
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trung Kiên HD;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Công

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15 /GPMT-UBND
ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh và nước thải phát sinh từ khu nhà ăn của công ty.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước của CCN Cao An về phía Bắc dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Công thoát nước thải của CCN Cao An về phía Bắc dự án (nằm trong quy hoạch công thoát nước thải của CCN Cao An)

- Tọa độ vị trí xả thải: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰: X(m)= 2317249; Y(m) = 577827.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 05 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24/24h.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải: QCVN 14:2008/BTNMT mức A, giá trị C_{max} với K=1,2; cụ thể như sau:

TT	Tên thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT mức A (giá trị C _{max} với K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	
3	TSS	mg/l	50	
4	TDS	mg/l	500	
5	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	
6	NH ₄ ⁺ - N	mg/l	5	

TT	Tên thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT mức A (giá trị C_{max} với K=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	30	
8	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	6	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải nhà ăn sau khi tách mỡ, nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại và nước thải rửa tay trong nhà vệ sinh được thu gom vào hệ thống ống nhựa HDPE D200, độ dốc $i=0,2\%$ có tổng chiều dài $L=45m$ rồi chảy về HTXLNT công suất $05m^3/ngày$ đêm nằm ở phía Đông Bắc dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Công trình xử lý sơ bộ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể phốt 3 ngăn cùng với nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, sau đó theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý chung.

- Thông số kỹ thuật của bể phốt: 01 bể phốt có thể tích $V_1=5m^3$, kích thước $L \times B \times H=2m \times 1,5m \times 1,7m$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

* Công trình xử lý nước thải chung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Sơ đồ công nghệ: Nước thải → bể gom → bể xử lý hợp khối gồm các ngăn (điều hòa → thiếu khí → hiếu khí → lắng → bể khử trùng → cột lọc → hồ ga nước thải đầu ra → nguồn tiếp nhận nước thải.

- Công suất thiết kế hệ thống: $05 m^3/ngày$ đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chất khử trùng (Javel): $4,3g/m^3$ nước thải; mật rỉ đường: $20g/m^3$ nước thải.

- Thông số kỹ thuật các bể: bể gom: 2,87m³; Cụm bể hợp khối: ngăn điều hòa: 1,95m³; Ngăn thiếu khí: 0,97m³; ngăn hiếu khí: 3,88m³; ngăn lắng: 0,97m³; bể khử trùng: 1,0m³; bể chứa bùn: 1,64m³; hệ thống cột lọc.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:
- Kiểm soát quá trình vận hành, tuân thủ các yêu cầu và thông số kỹ thuật thiết kế.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

- Nhân viên vận hành phải được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống trạm xử lý nước thải

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành hệ thống xử lý nước thải;

- Đối với các hệ thống bơm bị hỏng sẽ sử dụng bơm dự phòng để vận hành tiếp hệ thống, đồng thời cho sửa chữa bơm chính.

- Định kỳ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải. Tần suất: 1 năm/lần.

- Định kỳ hút bùn bể phốt, HTXLNT, nạo vét hồ ga hệ thống thu gom, thoát nước thải. Tần suất: 6 tháng/lần.

- Biện pháp khắc phục:

- Đối với lỗi sự cố do vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống: Công ty tạm ngừng vận hành để khắc phục sự cố.

- Đối với lỗi sự cố thiết bị (bơm nước thải, máy thổi khí...): sửa chữa và thay thế kịp thời.

- Đối với lỗi sự cố do quá trình vận hành:

+ Khi sự cố xảy ra, phòng kỹ thuật và công nhân vận hành rà soát lại toàn bộ các thông số để điều chỉnh theo đúng thiết kế.

+ Nếu sự cố vượt quá khả năng của Công ty, Công ty mời chuyên gia về xử lý nước thải về kiểm tra điều chỉnh.

+ Khi hệ thống xử lý gặp sự cố sẽ nhanh chóng xác định nguyên nhân, khắc phục sự cố.

+ Tắt bơm nước thải ra môi trường, không cho nước thải ô nhiễm thoát ra môi trường, dẫn đến ô nhiễm môi trường.

+ Tìm biện pháp để khắc phục sớm nhất có thể (trước khi bể chứa đầy).

+ Nếu không tự khắc phục được sẽ báo cáo với lãnh đạo cơ quan và liên hệ với cơ quan tư vấn xây dựng hệ thống xử lý để tìm ra các biện pháp khắc phục thích hợp.

+ Sau khi khắc phục xong cần thường xuyên theo dõi sát sao, đảm bảo hệ thống được vận hành ổn định, hiệu quả. Khi hệ thống đã đi vào hoạt động ổn định sẽ lấy mẫu nước thải đầu ra gửi đến đơn vị có chức năng phân tích, kiểm tra. Nếu nước thải vẫn chưa đạt Quy chuẩn cho phép cần tiếp tục khắc phục đến khi đạt quy chuẩn.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với Cơ quan quản lý là UBND huyện Cẩm Giàng và Sở Tài nguyên môi trường Hải Dương phối hợp để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: sau khi cấp giấy phép môi trường cho Dự án.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 6 tháng sau khi cấp giấy phép môi trường cho Dự án.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 05 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: mức A của QCVN 14:2008/BTNMT, giá trị C_{max} với $K=1,2$ trước khi xả thải ra cống thoát nước của CCN Cao An về phía Bắc dự án.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trung Kiên HD có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi UBND huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.5. Trong quá trình xả thải vào cống thoát nước của CCN Cao An nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước mặt của khu vực, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND huyện Cẩm Giàng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.6. Công ty TNHH thương mại dịch vụ Trung Kiên HD chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15 /GPMT-UBND

ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung do hoạt động phương tiện giao thông.

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn từ hoạt động kinh doanh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ vị trí các điểm phát sinh tiếng ồn theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰ như sau:

+ Nguồn số 1: X(m)= 2317249; Y(m) = 577754.

+ Nguồn số 2: X(m)= 2317249; Y(m) = 577823.

3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT); độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT). Cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
			6h-21h	21h-6h		
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	75	Mức nền		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Bố trí các khu để xe rộng rãi, thông thoáng từ mọi phía; thực hiện lắp đặt cầu trục đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động; trang bị xe nâng, cầu mới; định kỳ bảo dưỡng

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà xưởng nhằm làm giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Quy định các phương tiện vận tải khi vào dự án trong thời gian dừng đỗ xuất, nhập hàng không nổ máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15 /GPMT-UBND
ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Chất thải rắn nguy hại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	30	17 02 03
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại (vỏ hộp sơn, vỏ hộp dầu)	Rắn	2	18 01 02
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính thành phần nguy hại (vỏ hộp dầu thải)	Rắn	5	18 01 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
	Tổng		49	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bao bì carton, nilon, giấy đai	Rắn	200	12 08 06
2	Rác thải khác (gạch, sứ vỡ; cao su...)	Rắn	300	18 02 02
3	Bùn thải từ HTXL nước thải, bể tự hoại	Bùn	2.500	12 06 13
	Tổng	-	3.000	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 8,1 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Trang bị các thùng chứa rác thải nguy hại có dung tích 5 -100 lít/thùng, bằng vật liệu nhựa hoặc composite có nắp đậy. Mỗi loại chất thải được chứa riêng, trên mỗi thùng có kí hiệu cảnh báo nguy hiểm, mã CTNH và tên các loại chất thải nguy hại.

- Công ty bố trí khu vực chứa chất thải diện tích 15m² trong hạng mục nhà kho (theo bản đồ tổng thể mặt bằng quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh). Trong khu vực chứa chất thải được chia làm 02 ngăn, trong đó ngăn chứa chất thải rắn nguy hại 5m². Khu vực chứa được phân lập với các khu vực khác bằng thưng tôn, lắp đặt biển cảnh báo theo quy định; bố trí cửa ra vào để quản lý. Bên trong khu chứa chất thải bố trí dụng cụ (các thùng chứa có nắp đậy) để lưu giữ chất thải.

- Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Trang bị thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa loại 50- 100 lít/thùng, đặt tại khu vực đóng gói sản phẩm để thu gom các sản phẩm vỡ. Đối với rác thải Bao bì carton, nilon, giấy, nhựa, cao su... chứa vào các bao dứa hoặc bao nilon mỗi loại chứa riêng biệt.

Công ty bố trí khu vực chứa chất thải diện tích 15m² trong hạng mục công trình nhà kho (theo bản đồ tổng thể mặt bằng quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh). Trong khu vực chứa chất thải được chia làm 02 ngăn, trong đó ngăn chứa chất thải rắn thông thường 10m², ngăn chứa chất thải nguy hại 5m². Khu vực chứa được phân lập với các khu vực khác bằng thưng tôn; lắp đặt biển cảnh báo; bố trí cửa ra vào để quản lý. Bên trong khu chứa chất thải bố trí dụng cụ (các thùng chứa có nắp đậy) để lưu giữ chất thải.

- Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị thùng chứa có nắp đậy, dung tích 50lit/thùng để thu gom chất thải sinh hoạt. Ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại; hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước mưa. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15 /GPMT-UBND

ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.